|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**Số: /BC-BKHCN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2023* |

**BÁO CÁO**

**Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo**

**Nghị định quy định về khu công nghệ cao**

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về việc thông qua đề nghị xây dựng Nghị định quy định về khu công nghệ cao, Bộ Khoa học và Công nghệ đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan có liên quan xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về khu công nghệ cao.

Thực hiện quy định tại Điều 92 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14 về hồ sơ thẩm định dự thảo nghị định, Bộ Khoa học và Công nghệ báo cáo kết quả rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định quy định về khu công nghệ cao (sau đây gọi là Dự thảo) như sau:

**I. CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐÃ RÀ SOÁT**

Trong quá trình xây dựng Dự thảo, Bộ Khoa học và Công nghệ đã tiến hành rà soát 51 Luật hiện hành, 01 Nghị quyết của Quốc hội, 01 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, 86 Nghị định, 01 Nghị quyết của Chính phủ liên quan đến các lĩnh vực và nôi dung quy định của Dự thảo. Ngoài ra, Bộ Khoa học và Công nghệ đã rà soát một số Quyết định của Thủ tướng Chính phủ có liên quan và một số thông tư của các Bộ, ngành để đảm bảo các quy định tại Dự thảo phù hợp với hướng dẫn chi tiết thi hành của các luật chuyên ngành.

 *(Danh mục chi tiết các văn bản quy phạm pháp luật được rà soát tại Phụ lục kèm theo).*

**II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT VÀ HƯỚNG XỬ LÝ**

Trong quá trình rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến các lĩnh vực hoạt động và quản lý nhà nước của khu công nghệ cao, còn một số vấn đề tại các các văn bản quy phạm pháp luật chưa thống nhất trong quy định hoặc chưa quy đinh, cần quy định làm rõ để đảm bảo tính khả thi khi triển khai thực hiện Nghị định. Cụ thể như sau:

**1*.* Định hướng quy hoạch phát triển khu công nghệ cao**

- Trước khi Luật Quy hoạch năm 2017 ban hành, định hướng phát triển các khu công nghệ cao được quy định tại Quyết định của Thủ tướng Chinh phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghệ cao.

- Theo quy định tại Luật Quy hoạch năm 2017, việc định hướng phát triển khu công nghệ cao được thể hiện thông qua “phương hướng xây dựng khu công nghệ cao” và “phương án phát triển khu công nghệ cao” là một trong các nội dung của quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh (điểm d khoản 2 Điều 26, điểm d khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch).

***Biện pháp xử lý:*** Bổ sung quy định làm rõ định hướng phát triển khu công nghệ cao trong quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh trong bối cảnh không tiếp tục xây dựng quy hoạch riêng như quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghệ cao trước đây. Cụ thể:

+ Bổ sung giải thích từ ngữ “phương hướng xây dựng khu công nghệ cao” và “phương án phát triển khu công nghệ cao” (khoản 2, 3 Điều 2 Dự thảo);

+ Bổ sung các quy định cụ thể về nội dung và việc lập, điều chỉnh “phương hướng xây dựng khu công nghệ cao” và “phương án phát triển khu công nghệ cao” đồng thời với việc lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh (Điều 3, 4 Dự thảo).

**2. Trình tự, thủ tục thành lập, mở rộng khu công nghệ cao**

- Khoản 3 và Điều 31 và khoản 3 Điều 32 Luật Công nghệ cao quy định về điều kiện thành lập khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và quy định Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thônchủ trì phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan trình Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập khu công nghệ cao.

- Các quy định của Luật Công nghệ cao và pháp luật liên quan chưa quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục thành lập khu công nghệ cao; chưa có quy định mở rộng các khu công nghệ cao để đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

***Biện pháp xử lý:*** Bổ sung quy định tại Chương II về thành lập, mở rộng khu công nghệ cao, trong đó quy định cụ thể các điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục trình, thẩm định và phê duyệt thành lập, mở rộng khu công nghệ cao.

**3. Cơ chế đối với dự án đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật**

- Theo quy định tại Điều 30, 31, 32 Luật Đầu tư, trừ các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, chỉ các dự án đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất phải cấp Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, các dự án có yếu tố nước ngoài phải cấp Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư. Như vậy, đối với các dự án thuê lại đất của Chủ đầu tư hạ tầng không có yếu tố nước ngoài không phải cấp Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư nên không có căn cứ để đánh giá việc đáp ứng các tiêu chí về công nghệ cao trước khi thuê đất và xử lý vi phạm theo quy định tại Điều 47, 48 Luật Đầu tư (tạm ngừng, dừng hoạt động dự án) nếu nhà đầu tư không thực hiện đúng các tiêu chí trên.

***Biện pháp xử lý:*** Quy định chế độ sử dụng đất đối với dự án đầu tư, kinh doanh hạ tầng như đã quy định tại Nghị định số 74/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định cơ chế, chỉnh sách đặc thù đối với Khu Công nghệ cao Hòa Lạc. Trong đó, các dự án đầu tư thứ cấp được Ban quản lý khu công nghệ cao giao đất, cho thuê đất trực tiếp và thực hiện thủ tục cấp Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư để có căn cứ đánh giá các tiêu chí đầu tư và xử lý vi phạm (khoản 4 Điều 18 Dự thảo).

**4*.* Khu công nghệ cao trọng điểm**

- Các quy định của Luật Công nghệ cao và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan chưa đề cập đến khu công nghệ cao trọng điểm.

- Tại Quyết định số 792/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghệ cao đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 đã xác định các khu công nghệ cao có quy mô và đóng góp đối với sự phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ, phát triển kinh tế - xã hội là khu công nghệ cao quốc gia. (Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2015 phê duyệt Quy hoạch tổng thể khu và vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 chưa có quy định tương tự)

***Biện pháp xử lý:*** Bổ sung quy định về việc xác định khu công nghệ cao trọng điểm trong từng thời kỳ để làm căn cứ ưu tiên bố trí vốn ngân sách nhà nước (khoản 4 Điều 11).

**5. Cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; Dự án ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao**

Hiện nay, các quy định của pháp luật về đầu tư, khoa học và công nghệ, công nghệ cao, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đang có sự không thống nhất trong quy định tên gọi các đối tượng ươm tạo, cụ thể:

- Luật Công nghệ cao: Cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; Ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao (khoản 7, 8, 9 Điều 3).

- Nghị định 08/2014/ NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoa học và công nghệ: Cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ (điểm a khoản 1 Điều 47).

*(Thông tư 07/2020/TT-BKHCN đã quy định cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ nghệ được công nhận là cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa)*

- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa: Cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa, Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo (Khoản 2, 6 Điều 3).

- Luật Đầu tư: Dự án đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (khoản 7, Điều 3), Trung tâm đổi mới sáng tạo (điểm e khoản 2 Điều 15), Trung tâm Đổi mới sáng tạo quốc gia (điểm a khoản 2 Điều 20).

***Biện pháp xử lý:*** Quy định “cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao” và “dự án ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao” được áp dụng các ưu đãi thống nhất như đối với Cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa, Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và Trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia do Thủ tướng Chính phủ thành lập.

**6. Doanh nghiệp chế xuất trong khu công nghệ cao**

- Nghị định 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế đã giải thích từ ngữ về doanh nghiệp chế xuất tại khoản 10 Điều 2 và quy định các chính sách riêng áp dụng đối với doanh nghiệp chế xuất tại Điều 30.

- Thực tế, tại khu công nghệ cao cũng có các doanh nghiệp thành lập để chuyên sản xuất phục vụ xuất khẩu nhưng chưa có các quy định và chính sách ưu đãi như đối với doanh nghiệp chế xuất trong khu công nghiệp, khu kinh tế.

***Biện pháp xử lý:*** Quy định về doanh nghiệp chế xuất tại khu công nghệ cao được áp dụng các chính sách như đối với quy định riêng đối với doanh nghiệp chế xuất hoạt động trong khu công nghiệp, khu kinh tế (Điều 16 và khoản 3 Điều 28 Dự thảo).

**7. Quy định về đảm bảo thực hiện dự án đầu tư**

- Khoản 5 Điều 26 Nghị định 31/2021/NĐ-CP quy định tại thời điểm thực hiện ký quỹ hoặc nộp chứng thư bảo lãnh là sau được cấp Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, nhưng chưa quy định cụ thể thời điểm lập thỏa thuận đảm bảo thực hiện dự án và nộp tiền ký quỹ, chứng thư bảo lãnh dẫn đến một số dự án chậm trễ có thể thực hiện các thủ tục đầu tư dự án.

- Khoản 7 Điều 26 Nghị định 31/2021/NĐ-CP quy định việc nộp tiền ký quỹ, bảo lãnh đối với trường hợp ứng trước tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng. Tuy nhiên, chưa quy định rõ việc tính toán cụ thể mức bảo đảm thực hiện dự án và số tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng ứng trước; việc thời điểm đã được khấu trừ tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng vào tiền thuê đất (quy định tại Khoản 4 Điều 24 Nghị định 46/2014/NĐ-CP) nhưng vẫn thuộc thời gian phải đảm bảo thực hiện dự án.

- Điểm b khoản 9 Điều 26 Nghị định 31/2021/NĐ-CP quy định hoàn trả tiền ký quỹ tại thời điểm nhà đầu tư đã hoàn thành việc nghiệm thu công trình xây dựng. Tuy nhiên, chưa làm rõ việc hoàn thành lắp đặt hệ thống trang thiết bị, dây chuyền công nghệ dự án.

***Biện pháp xử lý:*** Quy định bổ sung thời hạn thực hiện ký văn bản thỏa thuận và nộp tiền ký quỹ hoặc bảo lãnh ngân hàng; làm rõ hơn quy định tại khoản 5,7 Điều 26 Nghị định 31/2021/NĐ-CP về tính toán mức đảm bảo thực hiện dự án và thời điểm phải nộp để phù hợp với quy định về việc được khấu trừ tiền giải phóng mặt bằng tự nguyện ứng trước quy định tại Khoản 4 Điều 24 Nghị định 46/2014/NĐ-CP; thời điểm được hoàn trả tiền ký quỹ, chấm dứt hiệu lực bảo lãnh nghĩa vụ ký quỹ phải bao gồm việc hoàn thành lắp đặt trang thiết bị, dây chuyền công nghệ của dự án (khoản 4 Điều 29 Dự thảo).

**8. Quy định về căn cứ để UBND cấp tỉnh giao đất cho Ban quản lý khu công nghệ cao**

- Theo quy định tại khoản 3 Điều 150 Luật Đất đai, Ban quản lý khu công nghệ cao lập quy hoạch chi tiết xây dựng khu công nghệ cao trình UBND cấp tỉnh phê duyệt và được UBND cấp tỉnh giao đất.

- Theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 28 Luật Xây dựng, quy định “Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng được phê duyệt là cơ sở để cấp giấy phép xây dựng và lập dự án đầu tư xây dựng”, do đó, quy hoạch chi tiết xây dựng được lập đối với từng khu vực thực hiện dự án đầu tư để làm căn cứ lập dự án đầu tư xây dựng công trình, không lập chung cho toàn bộ khu công nghệ cao và được thực hiện ở giai đoạn sau khi lập quy hoạch chung, quy hoạch phân khu xây dựng. Do đó, việc quy định UBND cấp tỉnh giao đất cho Ban quản lý để tổ chức quản lý căn cứ quy hoạch chi tiết xây dựng khu công nghệ cao là chưa phù hợp thực tiễn.

- Theo quy định tại khoản 3 Điều 34 Luật Xây dựng (sửa đổi tại khoản 9 Điều 28 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch), thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng được quy định đối với UBND cấp huyện.

***Biện pháp xử lý:*** Quy định việc UBND cấp tỉnh giao đất cho Ban quản lý khu công nghệ cao căn cứ quy hoạch chung xây dựng (đối với khu công nghệ cao có quy mô diện tích từ 500 héc ta trở lên) hoặc quy hoạch phân khu xây dựng (đối với khu công nghệ cao có quy mô diện tích dưới 500 héc ta) được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**9. Quy định về thủ tục xác nhận đáp ứng nguyên tắc hoạt động công nghệ cao**

- Luật Đầu tư quy định Ban quản lý khu công nghệ cao là cơ quan đăng ký đầu tư, có thẩm quyền Quyết định chủ trương đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với một số dự án đầu tư theo thẩm quyền đầu tư vào khu công nghệ cao.

- Căn cứ Luật Công nghệ cao, dự thảo Nghị định quy định tại các Điều 29, Điều 35 các quy định về nguyên tắc, tiêu chí đối với các dự án đầu tư thực hiện hoạt động công nghệ cao trong khu công nghệ cao. Việc đánh giá đáp ứng các nguyên tắc, tiêu chí nêu trên đối với các dự án đầu tư thuộc đối tượng phải cấp Quyết định chủ trương đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư khi đầu tư vào khu công nghệ cao được Ban quản lý đánh giá trong quá trình thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

- Đối với các dự án đầu tư thực hiện hoạt động công nghệ cao thuộc đối tượng phải đáp ứng các nguyên tắc, tiêu chí quy định tại Điều 29, 35 dự thảo Nghị định nhưng không thuộc đối tượng phải cấp Quyết định chủ trương đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đa số các dự án đầu tư thứ cấp thuê lại đất của Chủ đầu tư hạ tầng) sẽ không được đánh giá đáp ứng nguyên tắc, tiêu chí hoạt động công nghệ cao trong quá trình thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

***Biện pháp xử lý:*** Trường hợp dự án đầu tư thực hiện hoạt động công nghệ cao không thuộc đối tượng phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Nhà đầu tư có trách nhiệm giải trình và cam kết việc đảm bảo các nguyên tắc, tiêu chí theotừng loại hình dự án đầu tư tương ứng tại thủ tục đề nghị xác nhận dự án đầu tư đáp ứng nguyên tắc hoạt động công nghệ cao (khoản 4 Điều 19 dự thảo Nghị định). Ban quản lý khu công nghệ cao tổ chức thẩm định hoặc đánh theo trình tự thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư/cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc thủ tục xác nhận dự án đầu tư đáp ứng nguyên tắc hoạt động công nghệ cao tại Điều 26 dự thảo Nghị định

**9. Quy định về thẩm quyền lập biên bản xử lý vi phạm hành chính**

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính sửa đổi năm 2020: *“Khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của mình, người có thẩm quyền đang thi hành công vụ phải kịp thời lập biên bản vi phạm hành chính, trừ trường hợp xử phạt không lập biên bản quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật này”*

*-* Khoản 1 Điều 6 Nghị định 81/2013/NĐ-CP hướng dẫn Luật xử lý vi phạm hành chính, sửa đổi bởi Nghị định 97/2017/NĐ-CP quy định*: “Các chức danh có thẩm quyền lập biên bản được quy định cụ thể tại các nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước”*

- Một số Nghị định về xử lý vi phạm hành chính đối với các lĩnh vực liên quan đến hoạt động của khu công nghệ cao đã quy định thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính cho công chức, viên chức thuộc Ban quản lý khu công nghệ cao được giao nhiệm vụ thuộc phạm vi vi phạm, một số chưa được giao (Nghị định 155/2016/NĐ-CP, sửa đổi bởi Nghị định 55/2021/NĐ-CP về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường quy định thẩm quyền lập Biên bản vi phạm hành chính cho “*Công chức, cán bộ của các cơ quan, Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế”* - điểm b khoản 2 Điều 56- nhưng chưa quy định cho công chức, viên chức của Ban quản lý khu công nghệ cao).[[1]](#footnote-1)

- Khoản 4 Điều 15 Nghị định 74/2017/NĐ-CP quy định cơ chế, chính sách đặc thù đối với Khu Công nghệ cao Hòa Lạc: “*Ban Quản lý lập biên bản đối với các vi phạm hành chính trong lĩnh vực quy hoạch, xây dựng, đất đai, môi trường, đầu tư, lao động tại Khu Công nghệ cao và chuyển biên bản đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính để xử lý theo quy định”.*

***Biện pháp xử lý:*** để đảm bảo tính kịp thời, khả thi, hiệu quả công tác xử lý vi phạm và thống nhất với các thẩm quyền về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực tại khu công nghệ cao, Bộ KH&CN đề xuất quy định tại điểm b khoản 15 Điều 36 Dự thảo Nghị định về thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính đối với công chức, viên chức thuộc Ban quản lý khu công nghệ cao được giao nhiệm vụ thuộc phạm vi vi phạm.

**10. Quy định về các thẩm quyền liên quan đến quản lý lao động của Ban quản lý khu công nghệ cao**

- Bộ Luật Lao động và Nghị định số 145/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung về điều kiện lao động và quan hệ lao động, Nghị định số 152/2020/NĐ-CP quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam giao một số thẩm quyền về quản lý lao động (bao gồm quản lý lao động trong khu công nghệ cao) cho Ủy ban nhân cấp tỉnh và cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Điểm đ khoản 2 Điều 68 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế quy định một số thẩm quyền về quản lý lao động đối với Ban quản lý khu công nghiêp, khu kinh tế, đồng thời quy định sửa đổi một số nội dung tại Nghị định số 145/NĐ-CP, Nghị định số 152/2020/NĐ-CP.

***Biện pháp xử lý:*** Cần quy định các thẩm liên quan đến quản lý lao động đối với Ban quản lý các khu công nghệ cao để đảm bảo giải quyết các thủ tục hành chính “một cửa, tại chỗ”, góp phần đơn giản hóa, rút ngắn thời gian và tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư, và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước tại các khu công nghệ cao.

+ Đối với các thẩm quyền được Bộ luật Lao động 2019 và Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2020 giao cho cơ quan chuyên môn trực thuộc Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh: đề nghị quy định tại dự thảo Nghị định Ban quản lý khu công nghệ cao thực hiện theo nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh đối với lao động làm việc trong khu công nghệ cao; Đối với các thẩm quyền được Bộ luật Lao động 2019 giao cho Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh: quy định Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền cho Ban quản lý khu công nghệ cao.

+ Đối với một số thẩm quyền được giao tại các Nghị định số 145/NĐ-CP, Nghị định số 152/2020/NĐ-CP cho Sở Lao động – Thương binh và Xã hội: đề nghị sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Nghị định số 145/NĐ-CP và Nghị định số 152/2020/NĐ-CP để giao cho Ban quản lý khu công nghệ cao thực hiện đối với hoạt động quản lý lao động trong khu công nghệ cao[[2]](#footnote-2).

+ Quy định trách nhiệm của Ban quản lý khu công nghệ trong việc tổng hợp và báo cáo các cấp và Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, để đảm bảo sự thống nhất trong hoạt động quản lý nhà nước về lao động trên địa bàn.

+ Theo đó, dự thảo Nghị định bổ sung Điều 49 về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 152/2020/NĐ-CP (Bổ sung khoản 3 vào Điều 6, Bổ sung Điều 21a sau Điều 21); Điều 50 về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 145/2020/NĐ-CP (Bổ sung khoản 4 vào Điều 4, Bổ sung thêm khoản 5 vào Điều 31, Bổ sung khoản 4 Điều 62). Đồng thời, do các Điều trên tiếp tục sửa đổi các nội dung Nghị định số 35/2022/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung đối với Nghị định số 152/2020/NĐ-CP và Nghị định số 145/2020/NĐ-CP (trong đó đã đồng thời bao gồm các quy định phù hợp với quản lý lao động của Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế), nên dự thảo Nghị định bổ sung Điều 51 để bãi bỏ các nội dung sửa đổi, bổ sung đối với Nghị định số 152/2020/NĐ-CP và Nghị định số 145/2020/NĐ-CP (Điều 72 và Điều 73) tại Nghị định số 35/2022/NĐ-CP để thống nhất áp dụng.

**12. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

- Điều 51 Luật Công nghệ thông tin quy định Khu công nghệ thông tin là loại hình khu công nghệ cao. Tuy nhiên, các quy định đối với khu công nghệ thông tin tập trung đã được ban hành riêng tại Nghị định 154/2013/NĐ-CP ngày 08/11/2013 quy định về khu công nghệ thông tin tập trung.

***Biện pháp xử lý:*** Bổ sung quy định tại Điều về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng: “Nghị định này không quy định đối với khu công nghệ thông tin tập trung”

**13. Giải thích từ ngữ khu công nghệ cao**

- Khoản 1 và Điều 31 Luật Công nghệ cao năm 2008 đã giải thích về khu công nghệ cao. Tuy nhiên, việc giải thích thông qua nêu chức năng và nhiệm vụ của khu công nghệ cao dẫn đến chưa súc tích, đẩy đủ, đồng thời chưa cập nhật phù hợp với thực tiễn tại giai đoạn hiện nay.

***Biện pháp xử lý:*** Bổ sung giải thích từ ngữ “khu công nghệ cao” tại Điều 2 Dự thảo Nghị định.

**14. Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường 2020**

- Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định cụ thể các nội dung và trách nhiệm của các cơ quan trong công tác bảo vệ môi trường tại khu công nghệ cao, các quy định đã cập nhật so với quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2014. Luật Bảo vệ môi trường 2020 có hiệu lực từ 01/01/2022, sau thời điểm này các hoạt động bảo vệ môi trường trong khu công nghệ cao phải tuân thủ các quy định tại Luật. Tuy nhiên, tại thời điểm trình Dự thảo Nghị định, Luật Bảo vệ môi trường 2020 còn chưa có hiệu lực thi hành.

***Biện pháp xử lý:*** Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất xác định Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 là căn cứ pháp lý ban hành Nghị định để phù hợp với việc triển khai áp dụng Nghị định.

Trên đây là báo cáo rà các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về khu công nghệ cao./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** | **KT. BỘ TRƯỞNG** |
| - Bộ Tư pháp;- Bộ trưởng (để b/c);- Lưu: VT, CNC.  | **THỨ TRƯỞNG****Bùi Thế Duy** |

**DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT RÀ SOÁT**

*(Kèm theo Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về khu công nghệ cao)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên văn bản** | **Ngày ban hành** |
| **I** | **Luật của Quốc hội** |  |
| 1 | Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 | 22/6/2015 |
| 2 | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 số 63/2020/QH14 | 18/6/2020 |
| 3 | Luật Công nghệ cao số 21/2008/QH12 | 13/11/2008 |
| 4 | Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 | 18/6/2013 |
| 5 | Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 | 19/6/2017 |
| 6 | Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 | 29/11/2005 |
| 7 | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 số 36/2009/QH12 | 19/6/2009 |
| 8 | Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 | 24/11/2017 |
| 9 | Luật Tổ chức Chính phủ số 76/2015/QH13 | 19/6/2015 |
| 10 | Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 | 19/6/2015 |
| 11 | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ số 76/2015/QH13 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 số 47/2019/QH14 | 22/11/2019 |
| 12 | Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 | 13/6/2019 |
| 13 | Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 | 25/6/2015 |
| 14 | Luật Quản lý nợ công số 20/2017/QH14 | 23/11/2017 |
| 15 | Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 | 17/6/2020 |
| 16 | Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 | 17/6/2020 |
| 17 | Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 | 18/6/2020 |
| 18 | Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa 04/2017/QH14 | 12/6/2017 |
| 19 | Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 | 18/6/2014 |
| 20 | Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 | 25/11/2014 |
| 21 | Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 | 25/11/2014 |
| 22 | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 | 20/11/2018 |
| 23 | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 | 17/6/2020 |
| 24 | Luật Đất đai 45/2013/QH13 | 29/11/2013 |
| 25 | Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 | 6/4/2016 |
| 26 | Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 | 21/11/2007 |
| 27 | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 số 26/2012/QH13 | 22/11/2012 |
| 28 | Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 | 3/8/2008 |
| 29 | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 số 32/2013/QH13 | 19/6/2013 |
| 30 | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế số  71/2014/QH13 | 26/11/2024 |
| 31 | Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 | 3/6/2008 |
| 32 | Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 | 13/6/2019 |
| 33 | Luật Bảo vệ mội trường số 55/2014/QH13 | 23/66/2014 |
| 34 | Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 | 17/11/2020 |
| 35 | Luật An toàn, vệ sinh lao động 84/2015/QH13 | 25/6/2015 |
| 36 | Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 | 29/6/2001 |
| 37 | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 số 40/2013/QH13 | 22/11/2013 |
| 38 | Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 | 17/6/2010 |
| 39 | Luật Cư trú số 68/2020/QH14 | 13/11/2020 |
| 40 | Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 47/2014/QH13 | 16/6/2014 |
| 41 | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 47/2014/QH13 số 51/2019/QH14 | 25/11/2019 |
| 42 | Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 | 20/11/2019 |
| 43 | Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 | 29/6/2006 |
| 44 | Luật Giá số 11/2012/QH13 | 20/6/2012 |
| 45 | Luật Phí và lệ phí số  97/2015/QH13 | 25/11/2015 |
| 46 | Luật Quản lý tài sản công số 15/2017/QH14 | 21/6/2017 |
| 47 | Luật Thanh tra số 56/2010/QH12 | 15/11/2010 |
| 48 | Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 | 20/6/2012 |
| 49 | Luật Công đoàn số 12/2012/QH13 | 20/6/2012 |
| 50 | Luật Kế toán số 88/2015/QH13 | 20/11/2015 |
| 51 | Luật Kiểm toán Nhà nước số 81/2015/QH13 | 24/6/2015 |
| **II** | **Nghị quyết của Quốc hội** |  |
| 1 | Nghị quyết về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 số 29/2021/QH15 | 28/7/2021 |
| **III** | **Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội** |  |
| 1 | Nghị quyết giải thích một số điều của Luật Quy hoạch số 751/2019/UBTVQH14 | 16/8/2019 |
| **IV** | **Nghị định của Chính phủ** |  |
|  | Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 34/2016/NĐ-CP | 14/5/2016 |
|  | [Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 154/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-34-2016-nd-cp-quy-dinh-chi-tiet-bien-phap-thi-hanh-luat-ban-hanh-van-ban-quy-pham-phap-luat-312070.aspx) | 31/12/2020 |
|  | Nghị định ban hành quy chế khu công nghệ cao số : 99/2003/NĐ-CP | 28/8/2003 |
|  | Nghị định quy định cơ chế, chính sách đặc thù đối với Khu Công nghệ cao Hòa Lạc số 74/2017/NĐ-CP | 20/06/2017 |
|  | Nghị định quy định về cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Khu công nghệ cao Đà Nẵng số 04/2018/NĐ-CP | 04/01/2018 |
|  | Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ số 08/2014/NĐ-CP | 27/01/2014 |
|  | Nghị định quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ số 40/2014/NĐ-CP | 12/5/2014 |
|  | Nghị định quy định về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam số 87/2014/NĐ-CP | 22/9/2014 |
|  | Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ và Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam số 27/2020/NĐ-CP | 1/3/2020 |
|  | Nghị định quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ số 95/2014/NĐ-CP | 17/10/2014 |
|  | Nghị định về doanh nghiệp khoa học và công nghệ số  13/2019/NĐ-CP | 1/2/2019 |
|  | Nghị định về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia số 23/2014/NĐ-CP | 03/4/2014 |
|  | Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia ban hành kèm theo Nghị định số [23/2014/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/cong-nghe-thong-tin/nghi-dinh-23-2014-nd-cp-dieu-le-to-chuc-hoat-dong-quy-phat-trien-khoa-hoc-cong-nghe-quoc-gia-225497.aspx) ngày 03 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ số 19/2021/NĐ-CP | 15/3/2021 |
|  | Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ số 76/2018/NĐ-CP | 15/5/2016 |
|  | Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công số 40/2020/NĐ-CP | 6/4/2020 |
|  | Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư số 31/2021/NĐ-CP | 26/3/2021 |
|  | Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số  80/2021/NĐ-CP | 26/8/2021 |
|  | Nghị định về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa số 55/2019/NĐ-CP | 24/6/2019 |
|  | Nghị định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa số 39/2019/NĐ-CP | 10/5/2019 |
|  | Nghị định quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo số 38/2018/NĐ-CP | 11/2/2018 |
|  | Nghị định về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa số 34/2018/NĐ-CP | 8/3/2018 |
|  | Nghị định quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia số 94/2020/NĐ-CP | 21/8/2020 |
|  | Nghị định về chính sách tín dụng phát triển nông nghiệp nông thôn số 55/2015/NĐ-CP  | 09/6/2015 |
|  | Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [55/2015/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/nghi-dinh-55-2015-nd-cp-chinh-sach-tin-dung-phuc-vu-phat-trien-nong-nghiep-nong-thon-277254.aspx) ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn số 116/2018/NĐ-CP | 07/9/2018 |
|  | Nghị định về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn số 57/2018/NĐ-CP | 17/4/2018 |
|  | Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch số 37/2019/NĐ-CP | 7/5/2019 |
|  | Nghị định quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng số 44/2015/NĐ-CP | 6/5/2015 |
|  | Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng số 72/2019/NĐ-CP | 30/8/2019 |
|  | Nghị định quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng số 15/2021/NĐ-CP | 3/3/2021 |
|  | Nghị định quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng số 06/2021/NĐ-CP | 26/01/2021 |
|  | Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở số 99/2015/NĐ-CP | 20/10/2015 |
|  | [Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở số 30/2021/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bat-dong-san/nghi-dinh-99-2015-nd-cp-huong-dan-luat-nha-o-294439.aspx) | 26/3/2021 |
|  | Nghị định về phát triển và quản lý nhà ở xã hội số 100/2015/NĐ-CP | 20/10/2015 |
|  | [Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội số 49/2021/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bat-dong-san/nghi-dinh-100-2015-nd-cp-phat-trien-quan-ly-nha-o-xa-hoi-295027.aspx) | 1/4/2021 |
|  | Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản số 76/2015/NĐ-CP | 10/9/2015 |
|  | Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai số 45/2013/QH13 số 43/2014/NĐ-CP | 15/5/2014 |
|  | Nghị định về quản lý, sử dụng đất trồng lúa số 35/2015/NĐ-CP | 13/4/2015 |
|  | [Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa số  62/2019/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bat-dong-san/nghi-dinh-35-2015-nd-cp-ve-quan-ly-su-dung-dat-trong-lua-271072.aspx) | 11/7/2019 |
|  | Nghị định quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước số 46/2014/NĐ-CP | 15/5/2014 |
|  | Nghị định quy định về bồi thường, hỗ trợ; tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. số 47/2014/NĐ-CP | 15/5/2014 |
|  | Nghị định sửa đổi, bổ sung Điều 17 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất số 06/2020/NĐ-CP | 3/1/2020 |
|  | Nghị định sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai số 01/2017/NĐ-CP | 6/1/2017 |
|  | Nghị định sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai số 148/2020/NĐ-CP | 18/12/2020 |
|  | Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước số 135/2016/NĐ-CP | 9/9/2016 |
|  | Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước số 123/2017/NĐ-CP | 14/11/2017 |
|  | Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao số 35/2017/NĐ-CP | 3/4/2017 |
|  | Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường số 19/2015/NĐ-CP | 14/02/2015 |
|  | Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường số 40/2019/NĐ-CP | 13/5/2019 |
|  | Nghị định về thoát nước và xử lý nước thải số 80/2014/NĐ-CP | 6/8/2014 |
|  | Nghị định về quản lý chất thải và phế liệu số 38/2015/NĐ-CP | 24/4/2015 |
|  | Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật số 98/2019/NĐ-CP | 27/12/2019 |
|  | Nghị định quy định về đánh giá sơ bộ tác động môi trường số 40/2021/NĐ-CP | 21/5/2021 |
|  | Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động số 145/2020/NĐ-CP | 14/12/2020 |
|  | Nghị định quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam số 152/2020/NĐ-CP | 30/12/2020 |
|  | Nghị định quy định chi Tiết thi hành một số Điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động số 39/2016/NĐ-CP | 15/5/2016 |
|  | Nghị định quy định về khu công nghệ thông tin tập trung số 154/2013/NĐ-CP | 08/11/2013 |
|  | Nghị định về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành Khoa học và Công nghệ số 213/2013/NĐ-CP | 20/12/2013 |
|  |  Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 213/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành Khoa học và Công nghệ 27/2017/NĐ-CP | 15/3/2017 |
|  | Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính số 81/2013/NĐ-CP | 19/8/2013 |
|  | Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính số 97/2017/NĐ-CP | 18/8/2017 |
|  | Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn số 109/2013/NĐ-CP | 24/9/2013 |
|  | Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 91/2019/NĐ-CP | 19/11/2019 |
|  | Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở số 139/2017/NĐ-CP | 27/11/2017 |
|  | Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư số 50/2016/NĐ-CP | 01/6/2016 |
|  |  Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình số 167/2013/NĐ-CP | 12/11/2013 |
|  | Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường số 155/2016/NĐ-CP | 18/11/2016 |
|  | Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng số 28/2020/NĐ-CP | 01/3/2020 |
|  | Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ số 51/2019/NĐ-CP | 13/6/2019 |
|  | Nghị định quy định về kiểm soát thủ tục hành chính số 63/2010/NĐ-CP | 8/6/2010 |
|  | Nghị đinh sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính số 48/2013/NĐ-CP | 14/5/2013 |
|  | Nghị đinh sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính số 92/2017/NĐ-CP | 7/8/2017 |
|  | Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang bộ số 123/2016/NĐ-CP | 1/9/2016 |
|  | Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ số 101/2020/NĐ-CP | 28/8/2020 |
|  | Nghị định quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương số 24/2014/NĐ-CP | 4/4/2014 |
|  | Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương số 107/2020/NĐ-CP | 14/9/2020 |
|  | Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ số 50/2018/NĐ-CP | 09/4/2018 |
|  | Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ số 95/2017/NĐ-CP | 16/8/2017 |
|  | Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ số 50/2018/NĐ-CP | 09/4/2018 |
|  | Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư số 86/2017/NĐ-CP | 25/7/2017 |
|  | Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính số 87/2017/NĐ-CP | 26/7/2017 |
|  | Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng số 81/2017/NĐ-CP | 17/7/2017 |
|  | Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường số 36/2017/NĐ-CP | 04/4/2017 |
|  | Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội số 14/2017/NĐ-CP | 17/02/2017 |
|  | Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ số 34/2017/NĐ-CP | 03/4/2017 |
|  | Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương số 98/2017/NĐ-CP | 18/8/2017 |
|  | Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và PTNT số 15/2017/NĐ-CP | 17/02/2017 |
| V | **Nghị quyết của Chính phủ** |  |
| 1 | Nghị quyết về việc ban hành danh mục các quy hoạch được tích hợp vào qquy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch | 02/12/2019 |
| **IV** | **Quyết định của Thủ tướng Chính phủ** |  |
| 1 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về ưu đãi đầu tư đặc biệt số 29/2021/QĐ-TTg | 6/10/2021 |
| 2 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển số 38/2020/QĐ-TTg | 30/12/2020 |
| 3 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao số 10/2021/QĐ-TTg | 16/3/2021 |
| 4 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao số 19/2018/QĐ-TTg | 19/4/2018 |
| 5 | Quyết định Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia số 04/2021/QĐ-TTg | 29/01/2021 |
| **VI** | **Thông tư của Bộ, cơ quan ngang bộ** |  |
| 1 | Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất số 37/2014/TT-BTNMT | 30/6/2014 |
| 2 | [Thông tư của Bộ Lao Động, Thương binh và Xã hội quy định chi tiết thi hành Khoản 6 Điều 14 của Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam số 24/2015/TT-BLĐTBXH](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/cong-nghe-thong-tin/nghi-dinh-87-2014-nd-cp-thu-hut-ca-nhan-hoat-dong-khoa-hoc-cong-nghe-tham-gia-hoat-dong-viet-nam-250364.aspx) | 13/7/2015 |
| 3 | Thông tư của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước về lao động trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế và khu công nghệ cao số 32/2014/TT-BLĐTBXH | 01/12/2014 |
| 4 | Thông tư của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định các điều kiện đối với cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao và thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao số 27/2013/TT-BKHCN | 17/12/2013 |
| 5 | Thông tư của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc thành lập cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo số 07/2020/TT-BKHCN | 11/12/2020 |
| 6 | Thông tư của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao số 32/2011/TT-BKHCN | 15/11/2011 |
| 7 | [Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao số 04/2020/TT-BKHCN](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dau-tu/thong-tu-32-2011-tt-bkhcn-xac-dinh-tieu-chi-du-an-ung-dung-cong-nghe-133031.aspx) | 28/9/2020 |
| 8 | Thông tư của Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn một số điều của Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao số 89/2017/TT-BTC | 23/8/2017 |
| 9 | Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao số 35/2015/TT-BTNMT | 30/6/2015 |
| 10 | Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất số 37/2014/TT-BTNMT | 30/6/2014 |

1. Các đối tượng có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính bao gồm:

+ Điểm b khoản 1 Điều 40 Nghị định 91/2019/NĐ-CP xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai: *Công chức, viên chức được giao nhiệm vụ thực hiện thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất đai và hoạt động dịch vụ về đất đai*;

+ Khoản 4 Điều 69 Nghị định 97/2017/NĐ-CP xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, khai thác khoáng sản: *Công chức, viên chức được phân công thực hiện nhiệm vụ kiểm tra trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước về: Hoạt động đầu tư xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật;, quản lý sử dụng nhà và công sở* ;

+ Khoản 4 Điều 57 Nghị định 50/2016/NĐ-CP xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch đầu tư: *Công chức thuộc các cơ quan quản lý nhà nước khác được giao nhiệm vụ kiểm tra trong các lĩnh vực quản lý nhà nước về: quản lý và sử dụng vốn đầu tư công; hoạt động đầu tư tại Việt Nam và hoạt động đầu tư ra nước ngoài; đấu thầu; đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã*;

+ Khoản 2 Điều 71 Nghị định 167/2013/NĐ-CP xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, an toàn xã hội, phòng cháy và chữa cháy: *Người có thẩm quyền đang thi hành công vụ, nhiệm vụ được giao thuộc lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình*;

+ *Công chức, viên chức đang làm nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra về lao động* (khoản 2 Điều 48 Nghị định 28/2020/NĐ-CP xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm);

+ Khoản 2 Điều 27 Nghị định 51/2019/NĐ-CP xử lý vi phạm hành chính trong hoạt động KH&CN *Công chức, viên chức trong các cơ quan quy định tại các điều từ Điều 28 đến Điều 34 Nghị định này được giao nhiệm vụ kiểm tra, thanh tra, phát hiện vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ*;

+ Điểm b khoản 2 Điều 56 Nghị định 155/2016/NĐ-CP, sửa đổi bởi Nghị định 55/2021/NĐ-CP: *Công chức, cán bộ của các cơ quan, Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế*; [↑](#footnote-ref-1)
2. So với dự thảo Nghị định gửi xin ý kiến, Bộ Khoa học và Công nghệ đề nghị bỏ quy định đối với nhiệm vụ tiếp nhận báo cáo giải trình về nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài đối với từng vị trí công việc mà người lao động Việt Nam chưa đáp ứng được. (Điều 4 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP quy định người sử dụng lao động báo cáo Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hoặc UBND cấp tỉnh để được chấp thuận). [↑](#footnote-ref-2)